

Số: /2026/ TT-BNV

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo ngày 14/7/2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn xác định, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế ngày 14 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế số 51/2024/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng ngày 09 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 276/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Người có công,

Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Thông tư hướng dẫn xác định, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn xác định, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024 (sau đây gọi chung là Luật Bảo hiểm y tế) và Điểm a Khoản 4 Điều 71 của Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

2. Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến xác định, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Điều 2. Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do ngân sách nhà nước đóng

1. Người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

2. Thân nhân của người có công với cách mạng bao gồm:

a) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của liệt sĩ; người có công nuôi dưỡng liệt sĩ;

b) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ trên 6 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc từ đủ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của các đối tượng: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên;

c) Con đẻ từ đủ 6 tuổi trở lên của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên;

d) Vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng khác hoặc vợ khác đang được hưởng trợ cấp hằng tháng theo quy định tại điểm a khoản 10 Điều 16 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng

3. Người phục vụ người có công với cách mạng, bao gồm:

a) Người phục vụ Bà mẹ Việt Nam anh hùng sống ở gia đình;

b) Người phục vụ thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên;

4. Cựu chiến binh, gồm:

a) Cựu chiến binh tham gia kháng chiến từ ngày 30 tháng 4 năm 1975 trở về trước theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh cựu chiến binh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 150/2006/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh cựu chiến binh (sau đây gọi tắt là Nghị định số 157/2016/NĐ-CP).

b) Cựu chiến binh tham gia kháng chiến sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 quy định tại Khoản 5 Điều 2 Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh cựu chiến binh và tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP của Chính phủ, gồm:

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong quân đội, công nhân và viên chức quốc phòng đã được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ

vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (sau đây gọi tắt là Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg);

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong quân đội, công nhân và viên chức quốc phòng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm- pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 chuyên ngành về làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (không được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg);

Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp trong quân đội đã hoàn thành nhiệm vụ tại ngũ trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã phục viên, nghỉ hưu hoặc chuyển ngành về làm việc tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

Dân quân, tự vệ đã tham gia chiến đấu, trực tiếp phục vụ chiến đấu sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã được hưởng trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg.

5. Người tham gia kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc làm nhiệm vụ quốc tế, gồm:

a) Người tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã được hưởng trợ cấp theo một trong các văn bản sau: Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước; Quyết định số 188/2007/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong quân đội, đã phục viên, xuất ngũ về địa phương (“hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 92/VBHN-BQP”).

b) Người được hưởng chế độ chính sách theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu- chia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (“hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 91/VBHN-BQP”).

c) Cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân được hưởng chế độ theo Quyết định số 53/2010/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân tham gia kháng chiến chống Mỹ có dưới 20 năm công tác trong Công an nhân dân đã thôi việc, xuất ngũ về địa phương;

d) Thanh niên xung phong được hưởng chế độ theo Quyết định số 170/2008/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến và Nghị định số 112/2017/NĐ-CP ngày

06 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với thanh niên xung phong cơ sở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965- 1975;

đ) Dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo quy định tại Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và làm nhiệm vụ quốc tế (“hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 90/VBHN-BQP”).

6. Người đang sinh sống tại xã đảo, đặc khu theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 3. Nguyên tắc lập danh sách

1. Người thuộc nhiều đối tượng quy định tại Điều 2 Thông tư này tham gia bảo hiểm y tế thì lập danh sách đối tượng theo mức hưởng bảo hiểm y tế cao nhất.

2. Việc xác định, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ phải căn cứ vào giấy tờ, hồ sơ theo quy định tại Điều 5 Thông tư này đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế (sau đây gọi là Nghị định số 188/2025/NĐ-CP).

Điều 4. Thẩm quyền lập danh sách

1. Đối tượng đang sinh sống tại cộng đồng do Ủy ban nhân xã, phường, đặc khu lập danh sách (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Đối tượng quy định tại điểm e, điểm i và điểm k khoản 3 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế đang được nuôi dưỡng thường xuyên trong Cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng thương binh và người có công với cách mạng (sau đây gọi là Cơ sở nuôi dưỡng) do Cơ sở nuôi dưỡng lập.

Điều 5. Giấy tờ làm căn cứ xác định đối tượng tham gia bảo hiểm y tế

1. Người có công với cách mạng: Căn cứ một trong các giấy tờ sau:

- a) Quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Quyết định giải quyết chế độ của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh, thành phố;
- c) Quyết định điều chỉnh trợ cấp;
- d) Bản trích lục hồ sơ thương binh;
- e) Danh sách chi trả chế độ đối với người có công với cách mạng;

f) Huân chương kháng chiến, Huân chương Chiến thắng, Huy chương kháng chiến, Huy chương Chiến thắng.

2. Thân nhân người có công với cách mạng, người có công nuôi liệt sĩ, người phục vụ người có công với cách mạng: Căn cứ một trong các giấy tờ sau:

- a) Quyết định giải quyết chế độ của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh, thành phố;
- b) Bản khai tình hình thân nhân liệt sĩ;
- c) Danh sách chi trả chế độ đối với thân nhân người có công với cách mạng.

Trường hợp thân nhân người có công với cách mạng không hưởng trợ cấp hàng tháng thì căn cứ vào một trong các giấy tờ sau do cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Giấy xác nhận thân nhân người có công của cơ quan có thẩm quyền; Giấy xác nhận là người phục vụ người có công của cơ quan có thẩm quyền; Giấy chứng nhận gia đình hoặc thân nhân liệt sĩ của cơ quan có thẩm quyền

3. Người tham gia kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế và Cứu Chiến binh: Căn cứ một trong các giấy tờ sau:

- a) Quyết định hưởng chế độ trợ cấp của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Lý lịch Đảng viên;
- c) Lý lịch quân nhân;
- d) Quyết định phục viên, xuất ngũ, nghỉ hưu hoặc chuyển ngành.

4. Thanh niên xung phong và Dân công hỏa tuyến: Căn cứ một trong các giấy tờ sau:

- a) Quyết định hưởng chế độ trợ cấp của cơ quan có thẩm quyền;
- b) Danh sách hưởng trợ cấp của cơ quan có thẩm quyền.

5. Người đang sinh sống tại xã đảo, đặc khu: Căn cứ danh sách được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận và rà soát hằng năm.

6. Đối tượng quy định tại điểm e, điểm i và điểm k khoản 3 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế đang được nuôi dưỡng trong Cơ sở nuôi dưỡng: Căn cứ giấy tờ làm căn cứ xác định đối tượng tham gia bảo hiểm y tế quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Điều 6. Trình tự lập danh sách

1. Đối với đối tượng đang sinh sống tại cộng đồng:

a) Căn cứ vào Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm y tế (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ) và các giấy tờ làm căn cứ xác định đối tượng tham gia bảo hiểm y tế quy định tại Điều 5 Thông tư này, Phòng Văn hóa - Xã hội có trách nhiệm rà soát, thống kê, lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 188/2025/NĐ-CP; đồng thời chuyển dữ liệu điện tử và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt."

b) Ủy ban nhân dân cấp xã gửi danh sách đã được phê duyệt (kèm theo dữ liệu điện tử) cho cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở theo phân cấp để thực hiện việc cấp thẻ bảo hiểm y tế theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 11 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP.

2. Đối với đối tượng đang được nuôi dưỡng thường xuyên trong Cơ sở nuôi dưỡng:

Cơ sở nuôi dưỡng căn cứ vào khoản 6 Điều 5 Thông tư này lập danh sách theo mẫu quy định tại Nghị định số 188/2025/NĐ-CP gửi cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở theo phân cấp để thực hiện việc cấp thẻ bảo hiểm y tế theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 11 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP.

Điều 7. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ lập, quản lý danh sách

1. Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác lập danh sách, gửi và quản lý dữ liệu điện tử của đối tượng tham gia bảo hiểm y tế.

2. Việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ lập, quản lý danh sách thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 66 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố:

Chỉ đạo Sở Nội vụ rà soát, kiểm tra, đảm bảo đúng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế;

Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã triển khai thực hiện Thông tư này;

Kiểm tra việc thực hiện, giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã:

Tiếp nhận Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm y tế (Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ) và các giấy tờ làm căn cứ xác định đối tượng tham gia bảo hiểm y tế quy định tại Điều 5 Thông tư này;

Chỉ đạo Phòng Văn hoá - Xã hội lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn theo quy định tại Thông tư này;

Định kỳ hằng tháng rà soát tăng, giảm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế để gửi Sở Nội vụ và cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở theo phân cấp.

2. Cơ sở nuôi dưỡng:

Lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế tại cơ sở nuôi dưỡng theo quy định tại Thông tư này;

Định kỳ hằng tháng rà soát tăng, giảm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế để gửi Sở Nội vụ và cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở theo phân cấp.

3. Bảo hiểm xã hội Việt Nam:

Chỉ đạo triển khai, hướng dẫn nghiệp vụ trong hệ thống cơ quan Bảo hiểm xã hội;

Chỉ đạo cơ quan bảo hiểm xã hội cơ sở theo phân cấp phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai việc cấp thẻ bảo hiểm y tế cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2026.
2. Bãi bỏ Thông tư số 30/2019/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn lập danh sách đối tượng tham gia bảo hiểm y tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.
3. Các giấy tờ, hồ sơ quy định bởi các văn bản dẫn chiếu tại Thông tư này bị thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung thì được áp dụng thực hiện theo văn bản thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung đó.
4. Bộ Nội vụ và Bảo hiểm xã hội Việt Nam thực hiện kiểm tra liên ngành và tuyên truyền, phổ biến, tập huấn cho những người triển khai cấp thẻ bảo hiểm y tế theo quy định tại Thông tư này.
5. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Các Bộ, các cơ quan ngang Bộ, các cơ quan trực thuộc CP;
- HĐND, UBND Tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Nội vụ, Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đăng Công báo;
- Website của Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, CNCC.

BỘ TRƯỞNG

Đỗ Thanh Bình